| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠCH THÀNH**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 5- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Bùi Văn Tuấn;

*Các Hội thẩm nhân dân*:Ông Mai Văn Đảm, ông Đinh Văn Tân.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST- HNGĐ ngày 17/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N; sinh năm: 1996

Địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H; sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị N, anh H (Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày: Chị N và anh Bùi Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 2017 và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 26/3/2018 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không cùng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh H đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng

xa cách. Chị N đã về nhà ngoại ở từ tháng 12/2020 đến nay. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị N yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Trọng T, sinh ngày: 24/11/2017 và cháu Bùi Trọng Đ, sinh ngày 03/6/2016. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cả hai cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn H để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lí do.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Bùi Văn H. Giao cháu Bùi Thị Trọng T, sinh ngày: 24/11/2017 và cháu Bùi Trọng Đ, sinh ngày 03/6/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

- Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn H. Anh H cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh H nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh H và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh H đã được triệu tập đến tham gia hòa giải nhưng anh H vắng mặt. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Chị N và anh H đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 26/3/2018. Như vậy chị N, anh H kết hôn không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không cùng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh H đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là cháu Bùi Thị Trọng T, sinh ngày: 24/11/2017 và cháu Bùi Trọng Đ, sinh ngày 03/6/2016. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

HĐXX thấy: Từ giữa năm 2019 chị N và anh H sống ly thân, cháu Bùi Thị Trọng T và cháu Bùi Trọng Đ ở với chị N, được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Đây là nguyện vọng chính đáng của chị N. Nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu T và cháu Đ, HĐXX thấy chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Nghĩa l phù hợp. Giao hai cháu Bùi Thị Trọng T và cháu Bùi Trọng Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị N, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Trọng T, sinh ngày: 24/11/2017 và cháu Bùi Trọng Đ, sinh ngày 03/6/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3.Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền chị N đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002212 ngày 21/12/2023. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Bùi Thị N, anh Bùi Văn H. Chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Tuấn**

**Nơi nhận**:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Thọ;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

| **Hội thẩm nhân dân** | | **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà** |
|---|---|---|
| **Bùi Văn Hoà** | **Quách Thị Tình** | **Bùi Văn Tuấn** |

**Nơi nhận**:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Đồng;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Tuấn**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Bùi Văn Hoà** **Quách Thị Tình** **Bùi Văn Tuấn**